

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ - ST.

Ngày 08 - 04 - 2024.

V/v: “Tranh chấp kiện xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - HÀ NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - là thư ký tòa án thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “Kiện xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị C, sinh năm 1974.

* **Bị đơn:** Ông Lại Văn T, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Bà Lâm Thị C và ông Lại Văn T kết hôn vào ngày 25/6/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và cách sinh hoạt dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, nặng lời với nhau. Hơn nữa do vợ chồng không có con chung nên hôn nhân không có sự ràng buộc, vấn đề kinh tế gia đình cũng riêng rẽ mỗi người đều sống theo cách riêng của mình. Do vậy tình cảm vợ chồng không còn được như ban đầu và dần dần không còn quan tâm đến nhau nữa. Bản thân ông T cũng đã nhiều lần đòi ly hôn vì vậy bà C nhận thấy cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc và

không thể cùng ông T chung sống được nữa nên bà C đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà C và ông T không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về con riêng: Bà C không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Bà C không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lại Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình không đến tòa để làm việc, vì vậy Tòa án không thu thập được lời khai của ông T.

* Đại diện gia đình cung cấp thông tin cho Tòa án như sau: Ông T đã nhận được thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa án, đã biết việc bà C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn nhưng do ông T thường xuyên đi làm đến tối mới về nên không đến Tòa làm việc. Hiện tại ông T vẫn đang có hộ khẩu thường trú cùng gia đình tại tổ 3, phường Q, thành phố P.

Về tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông T: Gia đình xác nhận giữa bà C và ông T có xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân và không còn quan tâm đến nhau nữa.

Quan điểm của chính quyền địa phương: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của bà C và ông T theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay: Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T đã được Tòa án tổng đạt, thông báo hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định đúng quy định; tổ chức phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Xử lý hôn giữa bà Lâm Thị C và ông Lại Văn T.

+ Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lại Văn T có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ 3, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Kiện ly hôn” giữa bà Lâm Thị C và ông Lại Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn vắng mặt có lý do và đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa bà C và ông T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2010 tại UBND phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam, nên thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà C, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn bà C và ông T đã có một khoảng thời gian dài chung sống hạnh phúc. Sau đó do những bất đồng trong cuộc sống hôn nhân nên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ dẫn đến việc xúc phạm nhau. Trong cuộc sống hôn nhân không tìm được tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, cảm thông nên tình cảm không còn. Hơn nữa do không có sự ràng buộc về con chung cũng như kinh tế nên gia đình không còn là tổ ấm để cả hai hướng đến cùng nhau vun vén, xây dựng gia đình. Đến nay, bà C nhận thấy không thể cùng ông T đồng hành trong cuộc sống tiếp theo vì vậy bà muốn được ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử nhận thấy không thể kéo dài tình trạng hôn nhân do mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không thể đoàn tụ được, nên xử cho bà C ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên Tòa án không xem xét.

Con riêng: Bà C không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà C phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa bà Lâm Thị C và ông Lại Văn T.

[2] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Lâm Thị C phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Bà C được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000316 ngày 22/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Bà C đã nộp đủ.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Bà C, ông T vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường Q, TP P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Duy

